



shuǐ shàng

水上

noun (locative) · on water; waterborne

Example Sentences

Hái zǐ men xǐ huān zài shuǐ shàng lè yuán wán shuǎ
孩子们喜欢在水上乐园玩耍。

Children like to play at the water park.

Tā men chéng zuò xiǎo chuán zài shuǐ shàng yóu lǎn
他们乘坐小船在水上游览。

They took a small boat to tour on the water.

Trace each character, then write the word on your own.

水	水	水	水	水	水	水													
上	上	上	上	上	上														